

Bản án số 132/2017/HSST
Ngày 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Huy Hoàng
2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 133/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh năm 1980 tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm Đông, xã B, thành phố A, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 12/01/2017, chuyển tạm giam ngày 17/01/2017; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ: Ông Trịnh Văn Nam – Luật sư Công ty Luật TNHH Trịnh Khắc Triệu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 11/01/2017, tại khu vực đầu ngõ C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Hải Phòng, kết hợp với Công an phường D, bắt quả tang Phạm Văn Đ, sinh năm 1980, ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Đông, xã B, huyện Đồng Hỷ, thành phố A, tỉnh Thái Nguyên có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trên người Đ 01 túi màu nâu bên trong có 03 túi nilon chứa 295,72 gam tinh thể

màu trắng. Ngoài ra, còn thu giữ của Phạm Văn Đ 14.950.000 đồng, 02 điện thoại di động, 02 thẻ sim điện thoại, 01 vỏ bao thuốc lá, 01 bật lửa kim loại, 04 tờ danh thiếp, 01 túi nilon chứa mảnh giấy bùa, 01 thẻ ngân hàng mang tên Phạm Văn Đ.

Tại Kết luận giám định số 398/PC54(MT) ngày 17/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng đã xác định: Trọng lượng Methamphetamine có trong 295,72 gam tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Văn Đ là 156,38 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn Đ khai nhận: Qua quan hệ xã hội, Đ quen biết một nam thanh niên tên là N ở thành phố Hải Phòng. Trước ngày 11/01/2017 mấy ngày, Nguyên gọi điện rủ Đ xuống thành phố Hải Phòng chơi và nhờ Đ mua hộ Nguyên ít ma túy đá để sử dụng. Đ đồng ý. Sáng ngày 11/01/2017, Đ đến nhà H ở đường Lương Ngọc Quyến, thành phố A mua 20.000.000 đồng ma túy đá. Đ cầm các túi nilon đen chứa ma túy đá quần băng dính, cho vào túi xách màu nâu Đ đeo trên người, đi ra bến xe khách A, lên xe khách đi Hải Phòng. Khi xuống đến gầm Cầu Niệm, Đ thuê xe ôm chở đến đầu ngõ C, gần bến xe D thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Về vật chứng: Số tiền 14.950.000 đồng, 01 túi da màu nâu, 02 điện thoại di động, 02 thẻ sim điện thoại, 01 thẻ ngân hàng mang tên Phạm Văn Đ, 04 tờ danh thiếp, 01 bật lửa, 01 vỏ bao thuốc lá, 01 túi nilon chứa giấy bùa và toàn bộ số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ của Phạm Văn Đ còn lại sau khi giám định, có biên bản bàn giao sang Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Bản Cáo trạng số 133/CT-VKS-P1 ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/NQ-QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Phạm Văn Đ với mức án từ 13 năm đến 15 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Phạt tiền bị cáo Đ 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ nêu quan điểm: Không tranh luận về tội danh với Kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo tại phiên tòa; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu,

con còn nhỏ, vợ không có việc làm để cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị và giảm nhẹ hình phạt bổ sung áp dụng với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Biên bản phạm tội quả tang, Kết luận giám định, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định:

Ngày 11/01/2017, Phạm Văn Đ đã cất giấu 295,72 gam tinh thể màu trắng có 156,38 gam Methamphetamine trong túi xách màu nâu Đ đeo trên người, nhằm mục đích sử dụng thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước ta mà còn gây mất trị an xã hội ở địa phương; việc tàng trữ trái phép chất ma túy là một trong các nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xét xử nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt: Lượng ma túy ở thể rắn bị cáo Đ tàng trữ trái phép là 156,38 gam Methamphetamine nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự là "*Các chất ma túy ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam*".

Về hình phạt:

Bị cáo Phạm Văn Đ có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tiền án đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, ý thức tuân thủ pháp luật không cao. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà: Hội đồng xét xử xét thấy việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Nghị quyết số 41/NQ-QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là bất lợi đối với bị cáo bởi lẽ: Lượng ma túy bị cáo tàng trữ là trên 100 gam Methamphetamine. Nếu áp

dụng theo tinh thần Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo sẽ bị xét xử theo khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần phải áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử.

Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo và giảm một phần hình phạt bổ sung do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ già yếu, con còn nhỏ và vợ không có việc làm.

Trong vụ án này, còn có đối tượng tên Nguyễn nhờ Đ mua hộ ma túy để sử dụng và đối tượng tên Hùng là người bán ma túy cho Đ, nhưng do Đ khai không biết lai lịch địa chỉ, vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định;
- Số tiền 14.950.000 đồng là tài sản của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;
- 01 túi da màu nâu dùng để đựng ma túy; 02 thẻ sim điện thoại; 04 tờ danh thiếp, 01 bật lửa, 01 vỏ bao thuốc lá, 01 túi nilon chứa giấy bùa là các đồ vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy;
- 02 điện thoại di động sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ;
- Trả lại cho bị cáo 01 thẻ ngân hàng mang tên Phạm Văn Đ.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0003338 ngày 07/9/2017 và Biên bản bàn giao tang vật vụ án ngày 07/9/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo đối với Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Phạm Văn Đ 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/01/2017.

Phạt tiền bị cáo Đ 5.000.000 (Năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định;
- Trả lại cho bị cáo số tiền 14.950.000 (*Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;
- Tịch thu, tiêu hủy 01 (*Một*) túi da màu nâu dùng để đựng ma túy; 04 (*Bốn*) tờ danh thiếp, 01 (*Một*) bật lửa, 01 (*Một*) vỏ bao thuốc lá, 01 (*Một*) túi nilon chứa giấy bùa; 02 (*Hai*) thẻ sim điện thoại;
- Tịch thu sung quỹ 02 (*Hai*) điện thoại di động;
- Trả lại cho bị cáo 01 (*Một*) thẻ ngân hàng mang tên Phạm Văn Đ,

(Đặc điểm chi tiết thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0003338 ngày 07/9/2017 và Biên bản bàn giao tang vật vụ án ngày 07/9/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn